

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 29/5/2026

V/v “tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thu Hường**

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Huân

Ông Phạm Năng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 61/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số 286/2026/HNGĐ-ST ngày 04/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2026/QĐXXPT-HNGĐ ngày 11/5/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/01/1985. CCCD số: 001085014538, Cục C cấp ngày 21/01/2025.

Nơi cư trú: Số A T, phường H, thành phố Hà Nội

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/5/1986. CCCD số: 001186010961 do Cục C cấp ngày 30/3/2022.

Nơi ĐKKHTT: Số A T, phường H, thành phố Hà Nội

Nơi ở hiện tại: Số A, ngách C, đường Đ, xã Đ, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt anh Đ, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2014, tại UBND phường Q, quận H (nay là phường H), thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung với gia đình chồng tại số A T, phường H, thành phố Hà Nội đến tháng 4/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H có những tác động về tâm lý khiến anh chịu áp lực trong thời gian dài. Ngoài việc nhấn tin trách móc, chị H còn đi kể chuyện nói xấu chồng, nói xấu gia đình chồng với bạn bè, đồng nghiệp anh và hàng xóm nơi hai vợ chồng ở làm ảnh hưởng đến công việc và cuộc sống của anh. Gia đình hai bên có khuyên bảo, nhưng mâu thuẫn của anh chị không giảm. Đến năm 2018 anh đã làm đơn ly hôn và được hoà giải tại Toà án, sau đó anh chị tiếp tục chung sống với nhau nhưng đến nay mâu thuẫn vẫn không chấm dứt. Anh Đ nhận thấy không còn tình cảm với chị H, nên chị đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 11/10/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 26/10/2020. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu vì anh cho rằng tâm lý chị H thường xuyên không ổn định, thiếu kiềm chế. Hiện thu nhập của anh khoảng 35.000.000 đồng/tháng, anh không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn bố mẹ đẻ anh Đ đồng ý để anh và các con về ở tại địa chỉ số A T, phường H, thành phố Hà Nội và sẽ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc, nuôi dạy các con. Trường hợp được nuôi 01 con, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Anh T còn chị H nuôi cháu Nguyễn Phương L. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 08/3/2014 tại UBND phường Q, quận H (nay là phường H), thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại số A T, phường H, thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng con ốm thì chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Giữa hai vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, chỉ là những hiểu lầm của gia đình anh Đ và bản thân anh Đ. Chị nhận thấy vẫn còn tình cảm với anh Đ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc con, để các con được nuôi dạy, chăm sóc đầy đủ. Chị và các con rất cần chung sống cùng bố, các con cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh Đ có 02 con chung như anh Đ đã trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc cả 02 con chung. Vì các con là ưu tiên của chị nên chị cần các con và các con cần chị. Chị không còn khả năng sinh đẻ nữa, các cháu là con gái nên chị mong muốn được trực tiếp là người chăm sóc con. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con do anh Đ tự nguyện. Thu nhập của chị khoảng 25.000.000 đến 30.000.000 đồng/tháng, sau khi ly hôn bố mẹ đẻ chị đồng ý cho chị và con về ở cùng để tiện chăm sóc nuôi dưỡng con.

Anh Đ hiện đang ở thuê nhà của anh rể anh Đ, bố mẹ anh Đ đã già, cần được sự phụng dưỡng chăm sóc của các con cháu, chứ không phải chăm sóc các cháu. Chị không muốn mẹ anh Đ vất vả chăm sóc các con. Công việc của anh Đ rất bận, có khi đi về muộn, nên việc chăm sóc con không bằng chị. Chị muốn anh Đ tập chung vào sự nghiệp, để sau này lo tương lai cho các con. Chị có nhiều thời gian dành cho các con vì chị làm công việc hành chính, được nghỉ 02 ngày cuối tuần, các con gần bố và ở với chị nhiều hơn. Việc học của các con là do chị quan tâm, để ý các cháu hơn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số 286/2026/HNGĐ-ST ngày 04/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Hà Nội đã quyết định:
Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Minh Đ. Anh Nguyễn Minh Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 11/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 26/10/2020 cho anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Thu H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Đ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/03/2026, chị Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 286/2026/HNGĐ-ST ngày 04/03/2026 của Tòa án

nhân dân khu vực 6, thành phố Hà Nội với nội dung: không đồng ý ly hôn anh Đ, nếu phải ly hôn chị đề nghị được nuôi 02 con chung, anh Đ cấp dưỡng nuôi con

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị theo đơn kháng cáo: không nhất trí ly hôn anh Đ. Nếu phải ly hôn anh Đ, chị đề nghị được nuôi 02 con chung, anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Nguyễn Minh Đ đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội như sau: Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 286/2026/HNGĐ-ST ngày 04/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Hà Nội.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H kháng cáo trong hạn luật định, nên được xác định hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2014, tại UBND phường Q, quận H (nay là phường H), thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Thu H là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã làm đơn xin ly hôn sau đó về chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc, anh chị không hàn gắn được tình cảm và tại phiên tòa hôm nay anh Đ trình bày quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, anh không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với chị H được nữa vì mâu thuẫn giữa anh chị đã quá trầm trọng, chị H cũng đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ khi

làm thủ tục ly hôn. Đến nay, hai anh chị không còn quan tâm và chăm sóc đến nhau. Hiện anh Đ không còn tình cảm với chị H, đề nghị được giải quyết ly hôn. Chị H không đồng ý ly hôn vì cho rằng giữa anh chị không có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử nhận thấy: chị H muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh Đ cương quyết xin ly hôn nên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh Đ và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H kháng cáo xin đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Hiện nay anh Đ và chị H có điều kiện và thu nhập ngang nhau. Cháu Nguyễn Phương L đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với chị H khi anh chị ly hôn. Tại phiên toà anh Đ đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do vậy, giao cháu Nguyễn Phương L cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T cho anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc như bản án sơ thẩm đã xét xử là đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con chung về mọi mặt, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên không chấp nhận kháng cáo của chị H về việc giao con chung, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các yêu cầu kháng cáo của chị H không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số 286/2026/HNGĐ-ST ngày 04/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Hà Nội, cụ thể:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của Anh Nguyễn Minh Đ. Anh Nguyễn Minh Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 11/10/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 26/10/2020. Giao con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 11/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 26/10/2020 cho anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Thu H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[3]. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006365 ngày 17/03/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS thành phố Hà Nội;
- VKS, Tòa án, Phòng THADS khu vực 6;
- UBND phường Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hương